**VAI TRÒ VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA KẾ TOÁN TRONG CÁC CÔNG TY GIA ĐÌNH.**

ThS. Mai Thị Quỳnh Như- Khoa Kế toán

Đại học Duy Tân.

Tóm tắt: Kế toán trong Công ty gia đình trở nên quan trọng trong thời gian gần đây với sự chú ý đặc biệt vào ba đặc điểm chính: quyền sở hữu và quản lý gia đình, tình cảm xã hội, và sự kế thừa. Điều này đặt ra các thách thức đặc biệt đối với kế toán, yêu cầu sự linh hoạt trong các phương pháp kế toán như kế toán gia đình, tài chính, và quản trị. Sự hiểu biết sâu rộng về các yếu tố gia đình và môi trường kinh doanh gia đình là quan trọng để đưa ra quyết định thông tin và phân tích hiệu quả, và nghiên cứu trong lĩnh vực này cần tập trung vào các vấn đề đặc biệt của Công ty gia đình để phát triển khung lý thuyết và phương pháp nghiên cứu phù hợp.

Từ khóa: Kế toán, Công ty gia đình

**1. Đặt vấn đề**

Nghiên cứu về kinh doanh gia đình đang phát triển, tập trung vào các lĩnh vực chính như quản lý nguồn nhân lực, tiếp thị, và kế toán. Trong số các lĩnh vực này, kế toán vẫn là một trong những lĩnh vực ít được chú ý nhất, mặc dù thực tế là nó đóng vai trò quan trọng trong kinh doanh gia đình, một dạng tổ chức kinh tế phổ biến trên thế giới. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào các khía cạnh như quản trị Công ty, lãnh đạo, quyền sở hữu, và kế thừa. Trong số các chủ đề kế toán gia đình, quản trị tài chính và quản lý nguồn nhân lực được đánh giá cao, trong khi các vấn đề như chuyên nghiệp hóa, đạo đức, và trách nhiệm xã hội của Công ty gia đình vẫn chưa nhận được sự chú ý đầy đủ. Nghiên cứu kế toán trong Công ty gia đình cần tập trung vào các khía cạnh này để đưa ra cái nhìn toàn diện và hiểu rõ hơn về vai trò của kế toán trong môi trường này. Một số nghiên cứu tập trung vào vấn đề chi phí đại diện và cần thiết phải có các cơ chế kiểm soát trong công ty gia đình (Schulze, Lubatkin, Dino, & Bucholtz, 2001; Songini & Gnan, 2013). Các nghiên cứu khác chú ý đến kiểm soát quản lý cả về mặt chính thức và không chính thức trong các công ty gia đình (Moores & Mula, 2000). Sự thay đổi động của hệ thống kế toán quản trị trong gia đình và Công ty cũng được nghiên cứu, đặc biệt là vai trò của nó trong quá trình kế thừa (Giovannoni, Maraghini, & Riccaboni, 2011). Cuối cùng, vai trò của quản lý thống kế toán, cùng với việc hoạch định chiến lược, hội đồng quản trị, và nhà quản lý chuyên nghiệp, đã được xem xét trong bối cảnh chuyên nghiệp hóa và quản lý của công ty gia đình (Songini, 2006). Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu ít chú ý đến vai trò của những người quản lý không thuộc gia đình, đặc biệt là CFO, trong quá trình quản lý và kế nhiệm của công ty gia đình (Hiebl, 2012; Speckbacher & Wentges, 2007, 2012).

**2.Định nghĩa về kế toán**

Kế toán là một lĩnh vực nghiên cứu rộng lớn, chia thành hai lĩnh vực chính là kế toán tài chính và kế toán quản trị (hoặc kế toán quản lý). Kế toán tài chính tập trung vào việc tạo ra thông tin (báo cáo tài chính) cho người dùng bên ngoài như nhà đầu tư, cổ đông, chủ nợ, khách hàng và cơ quan chính phủ. Nó tuân theo các chuẩn mực và quy tắc kế toán chính thức, như của Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Tài chính (FASB) và Tổ chức Quốc tế Ủy ban Chuẩn mực Kế toán (IASB).

Kế toán tài chính đề cập đến các báo cáo tài chính bắt buộc, đưa ra cơ sở cho việc thông tin tài chính được lập và sử dụng. Nó bị ràng buộc bởi các tiêu chí và quy định chính thức, nhưng các vấn đề như kế toán giá trị hợp lý, chất lượng thông tin, quản lý lợi nhuận, và yêu cầu về tiết lộ tự nguyện về thông tin phi tài chính trở nên ngày càng quan trọng trong nghiên cứu kế toán hiện đại.

Các chủ đề nổi bật trong lĩnh vực kế toán tài chính bao gồm thực tiễn công bố thông tin trong các ngữ cảnh khác nhau (các công ty niêm yết, chưa niêm yết, Công ty lớn, SME, quốc gia và ngành công nghiệp khác nhau), tác động của vốn thị trường, công bố thông tin tự nguyện, báo cáo bền vững, quản lý thu nhập, chất lượng thu nhập, và tác động của thực tiễn kế toán tài chính đối với hiệu suất hoạt động của công ty và giá trị hợp lý.
Kế toán quản trị không bị ràng buộc bởi các tiêu chí chính thức như Nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung (GAAP). Theo Viện Kế toán Quản trị Công chứng (CIMA), kế toán quản trị bao gồm quá trình xác định, đo lường, tích lũy, phân tích, chuẩn bị, diễn giải, và trao đổi thông tin để lập kế hoạch, đánh giá, và kiểm soát trong đơn vị. Nó đảm bảo việc sử dụng hợp lý và chịu trách nhiệm giải trình đối với nguồn lực của mình. Kế toán quản trị cũng bao gồm việc lập báo cáo tài chính cho các nhóm không quản lý như cổ đông, chủ nợ, cơ quan quản lý, và cơ quan thuế.

Khác với kế toán tài chính, kế toán quản trị hỗ trợ nhu cầu thông tin của nhà quản lý, cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch, kiểm soát, và đưa ra quyết định hiệu quả. Kaplan (1984) mô tả rằng kế toán quản trị phải phục vụ các mục tiêu chiến lược của công ty, không thể tồn tại như một bộ môn riêng biệt mà không quan tâm đến giá trị, mục tiêu, và chiến lược cơ bản của từng công ty cụ thể.

Thuật ngữ kế toán quản trị (MA), hệ thống kế toán quản trị (MAS), kiểm soát quản lý hệ thống (MCS), và kiểm soát tổ chức (OC) thường được sử dụng thay thế cho nhau. Chenhall (2003) định nghĩa MA như một tập hợp các thực tiễn như lập ngân sách hoặc tính giá thành sản phẩm, trong khi MAS bao gồm hệ thống sử dụng MA để đạt được mục tiêu. MCS là một thuật ngữ rộng hơn, bao gồm MAS và các điều khiển khác như kiểm soát cá nhân hoặc nhóm. OC đôi khi được sử dụng để chỉ kiểm soát được xây dựng trong các hoạt động và quy trình như kiểm soát chất lượng và quản lý đúng lúc. Chenhall (2003) định nghĩa MCS như việc sử dụng kế toán quản trị một cách có hệ thống, kết hợp với các hình thức kiểm soát khác như kiểm soát cá nhân hoặc kiểm soát văn hóa để đạt được mục tiêu.

Do có nhiều cách tiếp cận khác nhau được tác giả sử dụng và nhấn mạnh vào các vấn đề khác nhau, phác thảo các chủ đề chính liên quan đến kế toán quản trị là một công việc phức tạp. Một số nghiên cứu có tập trung vào chu trình lập kế hoạch và kiểm soát, mặt khác tập trung vào một cơ chế (ví dụ: ngân sách, báo cáo, kế toán quản lý và kế toán chi phí). Một số tác giả coi quá trình này là cũng như cấu trúc của hệ thống lập kế hoạch và kiểm soát (Anthony, 1988; Otley, 1994; Simons và cộng sự, 2000). Kiểm soát chính thức và quan liêu các hệ thống đã được nghiên cứu cũng như kiểm soát xã hội và không chính thức các phương pháp tiếp cận (Bisbe & Otley, 2004; Chenhall & Euske, 2007). Trong thập kỷ qua, ngày càng tăng đã chú ý đến các hệ thống và cơ chế đổi mới, chẳng hạn như chi phí dựa trên hoạt động và thẻ điểm cân bằng, cũng như hệ thống đo lường hiệu suất (PMS) và các loại khác nhau của hệ thống kiểm soát quản lý (MCS) (Simons và cộng sự, 2000). Mối quan hệ giữa đánh giá hiệu quả công việc và ưu đãi đã là một chủ đề được nghiên cứu kỹ lưỡng cùng với tác động của các nhà quản lý về việc lựa chọn áp dụng kế hoạch chiến lược và MCS. Cuối cùng, chuyên nghiệp hóa đại diện cho một chủ đề thường xuyên, như được hiển thị bởi số lượng lớn tài liệu về vai trò của giám đốc tài chính, kế toán và người kiểm soát (Maas, & Naranjo-Gil, 2009).

**3.Đặc điểm công ty gia đình và tác động đến hoạt động kế toán**

Trong giai đoạn phát triển đầu tiên của nghiên cứu về kinh doanh gia đình, tác giả chủ yếu tập trung vào việc định nghĩa Công ty gia đình, nhấn mạnh các đặc điểm độc đáo của chúng và sự khác biệt giữa các loại khác nhau của các công ty gia đình. Astrachan, Klein và Smyrnios (2002) đề cập đến ba khía cạnh ảnh hưởng của gia đình trong việc xác định một Công ty gia đình, bao gồm Quyền lực, Kinh nghiệm và Văn hóa.

* **Quyền lực:** Liên quan đến sự tham gia của gia đình trong quyền sở hữu, quản lý, và quản lý Công ty.
* **Kinh nghiệm:** Bao gồm số lần kế nhiệm và số lượng thành viên gia đình đóng góp cho Công ty.
* **Văn hóa:** Liên quan đến sự chồng chéo giữa giá trị gia đình và giá trị Công ty, cũng như cam kết của gia đình đối với Công ty.

Nghiên cứu sử dụng Thang đo F-PEC để định rõ sự khác biệt giữa các loại Công ty gia đình bằng cách đo lường mức độ ảnh hưởng của gia đình trên quy mô liên tục.

Mustakallio (2002) tổng hợp định nghĩa về kinh doanh gia đình thành sáu thể loại: quyền sở hữu, quản lý, chuyển giao thế hệ, ý định gia đình tiếp tục là Công ty gia đình, mục tiêu của gia đình, và sự tương tác giữa gia đình và Công ty.

Chrisman và đồng nghiệp (2003) định nghĩa bản chất của một công ty gia đình bao gồm ý định duy trì sự kiểm soát của gia đình đối với liên minh thống trị, nguồn lực và khả năng độc đáo, tầm nhìn được đặt ra bởi liên minh thống trị do gia đình kiểm soát và theo đuổi sự chuyển tiếp thế hệ. mặc dù không có một phương pháp duy nhất và được chấp nhận rộng rãi về định nghĩa Công ty gia đình, tuy nhiên, có sự đồng thuận về các khía cạnh cụ thể phân biệt Công ty gia đình ở cấp độ lý thuyết. Vì vậy, mối quan hệ đặc biệt giữa gia đình và Hệ thống kinh doanh được coi là đặc điểm chính của Công ty gia đình, cùng với sự có mặt của một số Công ty gia đình đặc thù và danh mục có liên quan của các bên liên quan nội bộ, chẳng hạn như người sáng lập, tiếp theo thành viên trong thế hệ, nhân viên ngoài gia đình và người quản lý (Sharma, 2006). Go' mez-Mejı'avà cộng sự (2007) đề xuất “sự giàu có về mặt cảm xúc xã hội” hay “khả năng cảm xúc” là điểm khác biệt chính khía cạnh phân biệt các doanh nghiệp gia đình với các doanh nghiệp phi gia đình đối tác. Những khái niệm này đề cập đến “bản chất đan xen của hệ thống gia đình và kinh doanh do sự gắn kết của gia đình [mang lại cho] những công ty này hương vị đặc biệt của họ'' (Gomez-Mejia và cộng sự, 2011). Sự giàu có về tình cảm xã hội bắt nguồn từ âm bội cảm xúc mạnh mẽ đặc trưng cho các động lực khác nhau của doanh nghiệp gia đình, từ những giá trị gia đình mạnh mẽ thấm sâu vào tổ chức, và từ hành vi vị tha thường thấy ở chủ gia đình. Theo đề xuất lý thuyết này, “các yếu tố như sự gắn kết tình cảm, sự tham gia của anh chị em, ý thức về di sản, sự kiểm soát của gia đình, và mối quan tâm đến danh tiếng, cùng nhiều thứ khác, mang lại cho các công ty gia đình sự khác biệt của họ'' (Gomez-Mejia và cộng sự ,2011). Gomez-Mejia và cộng sự. (2011) đã đề xuất rằng các quyết định quản lý của chủ sở hữu gia đình được thúc đẩy bởi các mục tiêu phi tài chính liên quan đến việc duy trì tình cảm xã hội sự giàu có hơn là bằng những cân nhắc về công cụ kinh tế.

**Tài liệu tham khảo:**

# Astrachan, J. H., Klein, S. B., & Smyrnios, K. X. (2002). The F-PEC scale of family influence: A proposal for solving the family business definition problem1. *Family business review*, 15(1), 45-58.

Bisbe, J., & Otley, D. (2004). The effects of the interactive use of management control systems on product innovation. *Accounting, organizations and society*, 29(8), 709-737.

Chenhall, R. H., & Langfield‐Smith, K. (2003). Performance measurement and reward systems, trust, and strategic change. *Journal of Management Accounting Research,* 15(1), 117-143.

Chenhall, R. H., & Euske, K. J. (2007). The role of management control systems in planned organizational change: An analysis of two organizations. *Accounting, Organizations and Society*, 32(7-8), 601-637.

# Chrisman, J. J., Chua, J. H., & Steier, L. P. (2003). An introduction to theories of family business. *Journal of Business Venturing*, 18(4), 441-448.

Gómez-Mejía, L. R., Haynes, K. T., Núñez-Nickel, M., Jacobson, K. J., & Moyano-Fuentes, J. (2007). Socioemotional wealth and business risks in family-controlled firms: Evidence from Spanish olive oil mills. *Administrative Science Quarterly*, 52(1), 106-137.

Hiebl, M. R., Duller, C., & Feldbauer-Durstmüller, B. (2012). Do management accountants play a different role in family firms? Empirical evidence on management accountants' qualifications and roles in family and non-family firms. *International Journal of Business Research,* 12(2), 94-103.

# Mustakallio, M., Autio, E., & Zahra, S. A. (2002). Relational and contractual governance in family firms: Effects on strategic decision making. *Family Business Review*, 15(3), 205-222.

Moores, K., & Mula, J. (2000). The salience of market, bureaucratic, and clan controls in the management of family firm transitions : Some tentative Australian evidence. *Family Business Review*, 13(2), 91-106.

Naranjo-Gil, D., Maas, V. S., & Hartmann, F. G. (2009). How CFOs determine management accounting innovation: an examination of direct and indirect effects. *European Accounting Review*, 18(4), 667-695.

Quinn, M., Hiebl, M. R., Moores, K., & Craig, J. B. (2018). Future research on management accounting and control in family firms: suggestions linked to architecture, governance, entrepreneurship, and stewardship. *Journal of Management Control*, 28, 529-546.

Schulze, W. S., Lubatkin, M. H., Dino, R. N., & Buchholtz, A. K. (2001). Agency relationships in family firms: Theory and evidence. *Organization Science*, 12(2), 99-116.

Sharma, U., Forlin, C., Loreman, T., & Earle, C. (2006). Pre-Service Teachers' Attitudes, Concerns and Sentiments about Inclusive Education : An International Comparison of Novice Pre-Service Teachers. International journal of special education, 21(2), 80-93.

Songini, L., Gnan, L., & Malmi, T. (2013). The role and impact of accounting in family business. *Journal of Family Business Strategy,* 4(2), 71-83.

Simons, T. L., & Peterson, R. S. (2000). Task conflict and relationship conflict in top management teams: the pivotal role of intragroup trust. *Journal of Applied Psychology*, 85(1), 102.

Songini, L. (2006). 15 The professionalization of family firms: theory and practice. Handbook of research on family business, 269.